

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 05
2.	Báo cáo Kiểm toán	06 – 07
3.	Các Báo cáo tài chính	
	o Bảng cân đối kế toán	08 – 10
	o Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	11
	o Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
	o Báo cáo vốn chủ sở hữu	13
	o Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2011.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 29/UBCK-GPHĐKD ngày 18 tháng 12 năm 2006 cùng các văn bản như sau: Quyết định số 131/UBCK-GP ngày 11 tháng 6 năm 2008, Quyết định số 175/UBCK-GP ngày 01 tháng 12 năm 2008, Quyết định số 204/UBCK-GP ngày 11 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán số 57/UBCK-GCN ngày 11 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 292/QĐ-UBCK ngày 04 tháng 5 năm 2007 về việc thành lập Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính đặt tại số 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đặt tại số 414 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đã đóng cửa trong tháng 02/2012.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành, nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 31/12/2011 được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm tại trang 11 báo cáo này.

Số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính là số liệu tổng hợp của Văn phòng Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Căn cứ Công văn số 283/UBCK-QLKD ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về việc đóng cửa Chi nhánh TP.HCM, trong năm 2012 Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng sẽ công bố thông tin và thực hiện việc xử lý các vấn đề liên quan đối với việc đóng cửa Chi nhánh tại TP.HCM theo phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chi nhánh đã đóng cửa trong tháng 02/2012.

Ban Tổng giám đốc khẳng định rằng, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Trung

Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Nam

Phó Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Lý Tiết Dũng

Thành viên hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Bà Lưu Thị Quý Hương Trưởng ban kiểm soát

Bà Ngô Thị Kim Lan Thành viên

Bà Tăng Thục Vy Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Nam Tổng Giám đốc

Bà Mai Thị Thi Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Hoài An

VỐN GÓP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 29/UBCK-GPHĐKD ngày 18 tháng 12 năm 2006 cùng các văn bản như sau: Quyết định số 131/UBCK-GP ngày 11 tháng 6 năm 2008, Quyết định số 175/UBCK-GP ngày 01 tháng 12 năm 2008, Quyết định số 204/UBCK-GP ngày 11 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng.

Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 đồng;

Cổ phiếu được phép chào bán: không

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011 là 50.000.000.000 đồng, được chia ra 5.000.000 cổ phần.

Các cổ đông chủ chốt đến ngày 31/12/2010 và 31/12/2011 như sau:

TÊN CỔ ĐÔNG	31/12/2010		31/12/2011		Ghi chú
	Số Cổ Phần	Tỷ lệ	Số Cổ Phần	Tỷ lệ	
Công ty CP ĐTVT Nhà Đà Nẵng	1.232.400	24,65%	1.232.400	24,65%	
Mai Thị Thi	1.103.500	22,07%	1.103.500	22,07%	Phó TGD
Nguyễn Quang Chính	584.000	11,68%	584.000	11,68%	
Nguyễn Văn Nam	510.000	10,20%	545.000	10,90%	Tổng GD
Nguyễn Quang Trung	500.000	10,00%	500.000	10,00%	Chủ tịch HĐQT
Lý Tiết Dũng	356.700	7,13%	356.700	7,13%	Thành viên HĐQT
Trần Việt Em	116.000	2,32%	116.000	2,32%	
Trịnh Thị Bích Nga	116.000	2,32%	116.000	2,32%	
Lưu Thị Quý Hương	100.000	2,00%	100.000	2,00%	Trưởng ban kiểm soát
Các cổ đông khác	381.400	7,63%	346.400	6,93%	
Cộng	5.000.000	100,00%	5.000.000	100,00%	

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam (KSi)

Trụ sở chính: Tầng 2-3-4, số 96 Đinh Tiên Hoàng, P.1, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 38 227 158, Fax: (84-8) 35 512 008, Website: www.ksi.com.vn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Nam

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2012

Số: 053-Năm /2011/KSi/BCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 04/4/2012 của Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 8 đến trang 33.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của đơn vị theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của đơn vị không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Ý kiến của kiểm toán viên

Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế do các vấn đề sau đây:

1. Như nêu tại mục V.06 thuyết minh báo cáo tài chính, cho đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán trên khoản mục phải thu khác đã bao gồm giá trị 2.000.000.000 đồng chưa được thu thập được thư xác nhận.

- Như nêu tại mục IV.07 và V.13 thuyết minh báo cáo tài chính, trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn đang ghi nhận số lãi vay liên quan đến việc mua trụ sở Công ty còn lại phát sinh trong năm 2011 là 1.224.166.666 đồng. Khoản lãi vay này và phần phát sinh trong năm 2012 sẽ phân bổ khi chuyển nhượng phần còn lại trụ sở Công ty.
- Như nêu tại mục số V.11 thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có một khoản vốn góp liên doanh là 766.800.000đ đây là số dư từ năm 2009 chuyển qua chi tiết cho Hợp đồng hợp tác đầu tư góp vốn với Công ty CP đầu tư xây dựng Bình Chánh và Công ty CP Thủy sản số 1 trong dự án Khu phức hợp SJI Plaza tại địa chỉ 1004A Âu Cơ, Q.Tân Phú, TP.HCM. Chi tiết cho khoản đầu tư này có 100.000.000đ là khoản hoa hồng chi trả cho Công ty Bách Việt theo hợp đồng chuyển nhượng (trong tổng số 500.000.000đ). Dự án này vẫn đang bị trì hoãn, và đối với khoản hoa hồng phải trả còn lại Công ty chưa ghi nhận trên sổ sách kế toán.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính do các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã trình bày hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc các vấn đề sau:

- Như đã nêu tại mục V.01, V.19 và VII.I thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty nhận tiền gửi giao dịch của nhà đầu tư và gửi vào tài khoản ngân hàng được đại diện bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng đã có mở sổ sách kế toán phân loại và theo dõi riêng cho khoản tiền gửi này. Công ty đã ký hợp đồng liên kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu trong việc mở tài khoản giao dịch cho nhà đầu tư vào ngày 18/7/2008.
- Như nêu tại mục IV.05 và V.02 thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty không trích lập dự phòng đối với hai cổ phiếu chưa niêm yết là cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (VASS) và cổ phiếu Ngân hàng Phát triển Mê Kông (MDB) do chưa thu thập đủ thông tin theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết còn lại, Công ty trích lập dự phòng theo ước tính.
- Như nêu tại mục số V.09 và V.10 thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm Công ty có mua sắm tài sản với tổng giá trị là 35.157.281.629 đồng chiếm 70,31% vốn điều lệ. Công ty đã khắc phục bằng việc bán ngay một phần tài sản đó trong năm.

Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam



Trương Hoàng Hùng
Chứng chỉ KTV Đ072 /KTV

Kiểm toán viên

Trịnh Thị Bích Liên
(Chứng chỉ KTV số: 1342/KTV)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-CTCK
Ban hành theo Thông tư 95/2008/TT-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.335.481.484	49.564.834.461
I. Tiền	110	V.01	16.290.751.680	31.878.702.050
1. Tiền	111		15.317.472.550	29.590.906.294
2. Các khoản tương đương tiền	112		973.279.130	2.287.795.756
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	4.670.539.265	8.103.255.653
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.319.012.531	20.256.682.531
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(13.648.473.266)	(12.153.426.878)
III. Các khoản phải thu	130	V.03	25.766.340.244	6.121.377.500
1. Phải thu của khách hàng	131		19.689.350.000	63.960.000
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	153.748.000	6.022.948.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.05	-	-
4. Phải thu hoạt động GD CK	135		-	449.500
5. Các khoản phải thu khác	138	V.06	5.923.242.244	34.020.000
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.607.850.295	3.461.499.258
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	249.055.295	60.123.258
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	1.358.795.000	3.401.376.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.460.692.149	5.738.166.852
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		16.556.306.789	3.658.583.043
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	2.028.352.799	3.041.948.729
- Nguyên giá	222		5.511.541.172	6.723.012.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.483.188.373)	(3.681.063.983)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.470.683.990	559.364.314
- Nguyên giá	228		15.406.980.628	1.195.281.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(936.296.638)	(635.917.486)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	230	V.11	57.270.000	57.270.000
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	250	V.12	766.800.000	766.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		766.800.000	766.800.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.137.585.360	1.312.783.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.233.264.178	33.339.560
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.14	1.904.321.182	1.279.444.249
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.796.173.633	55.303.001.313

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-CTCK

Ban hành theo Thông tư 95/2008/TT-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		32.273.476.891	13.584.176.760
I. Nợ ngắn hạn	310		32.273.476.891	13.584.176.760
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	20.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.18	702.366.400	400
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	74.560.000	147.060.000
4. Thuế và các khoản phải nộp cho NN	314	V.16	50.834.866	226.970.876
5. Phải trả người lao động	315		-	37.546.309
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317	V.05	-	-
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	11.421.991.862	13.079.258.412
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	-
10. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.17	22.250.000	90.367.000
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	323		1.473.763	2.973.763
13. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
16. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho NĐT	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.522.696.742	41.718.824.553
I. Vốn chủ sở hữu	410		36.522.696.742	41.718.824.553
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		500.000.000	500.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		138.256.882	138.256.882
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		138.256.882	138.256.882
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(14.253.817.022)	(9.057.689.211)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.796.173.633	55.303.001.313

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Hoài An

Nguyễn Văn Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-CTCK
Ban hành theo Thông tư 95/2008/TT-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU KỲ
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002	-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003	-	-
4. Ngoại tệ các loại	004	-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005	3.591.409.664	3.591.409.664
6. Chứng khoán lưu ký của các thành viên trong nước	006	236.497.450.000	202.670.870.000
<i>Trong đó:</i>			
6.1. Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước	007	236.497.450.000	202.670.870.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên trong nước	008	-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước	009	236.497.450.000	202.670.870.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của người uỷ thác đầu tư thành viên trong nước	010	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch thành viên trong nước	011	-	-
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của công ty thành viên trong nước	012	-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước	013	-	-
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người uỷ thác đầu tư thành viên trong nước	014	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố thành viên trong nước	015	-	-
7. Chứng khoán lưu ký thành viên nước ngoài	023	41.880.000	41.880.000
7.1. Chứng khoán giao dịch thành viên nước ngoài	024	41.880.000	41.880.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên nước ngoài	025	-	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch thành viên nước ngoài	028	-	-
7.3. Chứng khoán cầm cố thành viên nước ngoài	032	-	-
7.4. Chứng khoán tạm giữ thành viên nước ngoài	036	-	-
8. Chứng khoán nhận bán hộ (tại công ty chứng khoán)	040	-	-
8.1. Chứng khoán nhận bán hộ tổ chức phát hành hoặc công ty bảo lãnh chứng khoán phát	041	-	-
8.2. Chứng khoán nhận bán hộ nhà đầu tư	042	-	-
8.3. Chứng khoán nhận lưu ký cho người đầu tư	043	-	-
9. Chứng khoán mua lẻ	044	-	-

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Hoài An

Nguyễn Văn Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	ĐVT: Đồng Năm trước
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01	22.842.286.295	14.305.075.536
Trong đó:			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	2.319.108.637	10.297.216.430
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	168.398.080	316.438.650
Trong đó: Cổ tức, lãi trái phiếu		98.398.080	316.438.650
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	317.272.726	652.900.228
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	-	-
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7	-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	-	-
- Doanh thu khác	01.9	20.037.506.852	3.038.520.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	852
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01 -02)	10	22.842.286.295	14.305.074.684
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	24.918.946.629	7.843.443.560
Trong đó: Chi phí không tính thuế TNDN	11.1	600.000	110.764.330
5. Lợi nhuận gộp (20=10 - 11)	20	(2.076.660.334)	6.461.631.124
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.241.937.211	4.404.303.105
Trong đó: Chi phí không tính thuế TNDN	25.1	-	235.107.000
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	(5.318.597.545)	2.057.328.019
8. Thu nhập khác	31	436.468.636	376.255.982
9. Chi phí khác	32	313.998.902	368.712.292
10. Lợi nhuận khác (40=31- 32)	40	122.469.734	7.543.690
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30 + 40)	50	(5.196.127.811)	2.064.871.709
12. Lợi nhuận tính thuế (50- Cổ tức, trái tức +11.1+25.1)	51.1	(5.293.925.891)	2.463.016.681
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	(5.196.127.811)	2.064.871.709
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.039)	413

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Hoài An

Nguyễn Văn Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Lập theo phương pháp trực tiếp

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	1.116.457.861	2.822.768.552
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(2.544.392.211)	(4.131.591.326)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(240.707.896)	(676.691.006)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	720.513.987.050	3.391.609.613.320
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(729.487.768.115)	(3.414.000.617.790)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	-	-
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	-	-
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(598.012.800)	(697.105.775)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(1.949.674.569)	(3.295.786.877)
10. Tiền chi trả lãi vay	12	(3.075.969.444)	(157.811.177)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
12. Tiền thu khác	14	1.058.708.196.407	2.112.513.055.375
13. Tiền chi khác	15	(1.072.758.699.890)	(2.133.247.140.759)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.316.583.607)	(49.261.307.463)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(5.292.043.943)	(201.043.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.677.180	235.668.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.271.366.763)	34.625.250
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24.600.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.600.000.000)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(15.587.950.370)	(49.226.682.213)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.878.702.050	81.105.384.263
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70 (I)	16.290.751.680	31.878.702.050

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Hoài An

Nguyễn Văn Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 05-CTCK
Ban hành theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC
ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2011

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần		500.000.000	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
3.Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4.Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5.Chênh lệch đánh giá lại TS		-	-	-	-	-	-	-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
8.Quỹ dự phòng tài chính		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
9.Các quỹ khác thuộc vốn CSH		-	-	-	-	-	-	-	-
10.Lợi nhuận chưa phân phối		(11.122.560.920)	(9.057.689.211)	2.064.871.709	-	-	(5.196.127.811)	(9.057.689.211)	(14.253.817.022)
Cộng		39.653.952.844	41.718.824.553	2.064.871.709	-	2.000.000.000	(3.196.127.811)	41.718.824.553	36.522.696.742

ĐVT: đồng

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Hoài An

Nguyễn Văn Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 29/UBCK-GPHĐKD ngày 18 tháng 12 năm 2006 cùng các văn bản như sau: Quyết định số 131/UBCK-GP ngày 11 tháng 6 năm 2008, Quyết định số 175/UBCK-GP ngày 01 tháng 12 năm 2008, Quyết định số 204/UBCK-GP ngày 11 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán số 57/UBCK-GCN ngày 11 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 292/QĐ-UBCK ngày 04 tháng 5 năm 2007 về việc thành lập Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Công văn số 283/UBCK-QLKD ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đóng cửa Chi nhánh TP.HCM, trong năm 2012 Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng sẽ công bố thông tin và thực hiện việc xử lý các vấn đề liên quan đối với việc đóng cửa Chi nhánh tại TP.HCM theo phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chi nhánh đã đóng cửa trong tháng 02/2012.

2. **Hình thức sở hữu:** Công ty Cổ phần

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Chứng khoán

4. **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành, nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính được thiết lập theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 23/6/2006, Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu thương mại và thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp lập dự phòng theo nguyên tắc thận trọng và giá trị thuần có thể thực hiện được vào thời điểm khóa sổ kỳ kế toán. Việc lập dự phòng được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Thiết bị văn phòng	2-6 năm
Phương tiện vận chuyển	6-10 năm
Công trình cải tạo nhà cửa	6-7 năm
Tài sản cố định khác	5 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định được thời hạn nên không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK

Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Tài sản vô hình khác

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định

Phần mềm kế toán

Số năm

5 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn theo nguyên tắc thận trọng và giá trị thuần có thể thực hiện được vào thời điểm khóa sổ niên độ kế toán. Việc lập dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì các doanh nghiệp không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết là cổ phiếu Công ty Bảo hiểm Viễn Đông (VASS) và cổ phiếu Ngân hàng Phát triển Mê Kông (MDB), trong kỳ Công ty không trích lập dự phòng do không thu thập đủ thông tin theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

6. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là hoạt động nhằm tạo dựng các tài sản dài hạn cho Công ty. Khoản mục này sử dụng để tập hợp các loại chi phí liên quan để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm các chi phí mua sắm mới tài sản cố định, chi phí cải tạo và sửa chữa,... và các chi phí đủ điều kiện để ghi nhận vào giá trị tài sản dài hạn hình thành trong tương lai.

Trong kỳ, Công ty sử dụng khoản mục này để tập hợp các chi phí phát sinh kể cả chi phí lãi vay sau khi tài sản đã hoàn thành.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Công cụ, dụng cụ, chi phí khác đã được đưa vào sử dụng trong kỳ và phân bổ trong thời gian không quá 12 tháng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày phát sinh chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK

Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Chi phí trả trước dài hạn: Công cụ, dụng cụ, chi phí khác đã đưa vào sử dụng, có khả năng mang lại lợi ích kinh tế và thời gian phân bổ trên 12 tháng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Trong kỳ đơn vị ghi nhận trong khoản mục các khoản lãi vay sau khi chuyển quyền sử dụng đất (trụ sở) và chi phí liên quan sau đó sẽ kết chuyển cho các đối tượng nhận sang nhượng quyền sử dụng đất này.

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán:

Đây là số tiền Công ty phải nộp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước khi công ty chứng khoán là thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán. Số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ căn cứ và doanh số giao dịch Công ty thực hiện kỳ trước. Mức phí phải nộp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 0,01% trên doanh số giao dịch. Căn cứ để ghi nhận vào Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ là thông báo hàng năm về số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán.

9. Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu:

Nguyên tắc ghi nhận: Căn cứ vào Báo cáo phân bổ cổ tức từ Trung tâm lưu ký chứng khoán và số tiền thực chuyển từ Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc thanh toán cho người chủ sở hữu chứng khoán theo ủy quyền.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại, phải trả khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác: khi phát sinh nghĩa vụ đối với các bên liên quan, các khoản phải trả thương mại và phải trả khác ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc và nguyên tắc thận trọng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản ký quỹ, ký cược: Khi nhà đầu tư nộp tiền vào Công ty để thực hiện giao dịch chứng khoán, kế toán ghi nhận tăng khoản ký quỹ ký cược và theo dõi chi tiết cho từng khách hàng. Trong quá trình thực hiện giao dịch, nếu khách hàng chưa nộp vào thực hiện việc giao dịch, Công ty ứng tiền cho khách hàng và kế toán ghi âm khoản ký quỹ ký cược.

Khoản ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư khi trình bày trên báo cáo tài chính, thể hiện số dư ròng sau khi trừ giữa phải trả và phải thu.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá bán ròng so với mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí và chi phí phải trả

Chi phí bằng tiền được ghi nhận theo nguyên tắc thực chi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK

Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận thuế

Các khoản mục thuế thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các loại thuế khác mà Công ty có nghĩa vụ nộp là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Theo quy định hiện hành, số thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch theo số thuế quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 25% và các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật liên quan.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang hay mục đích kinh doanh thông thường, thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ được ghi nhận là tài sản nếu thỏa các điều kiện sau:

- Chi phí lãi vay phát sinh từ khoản vay ngắn hạn hay dài hạn chỉ phục vụ cho mục đích tạo ra tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

- Chi phí lãi vay chỉ được ghi nhận vào giá trị tài sản trong giai đoạn hình thành và tạo dựng tài sản đó. Không phân bổ chi phí lãi vay vào giá trị tài sản khi tài sản đó đã hoàn thành theo mục đích sử dụng ban đầu hay khác biệt với ước tính về giá trị cũng như thời gian so với kế hoạch ban đầu.
- Những tài sản trong đó có phân bổ chi phí lãi vay phải phục vụ cho mục đích kinh doanh chính của doanh nghiệp.

17. Các bên liên quan.

Các bên được xem là các bên liên quan là các đơn vị, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hay chịu sự kiểm soát của Công ty, hay cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hay gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự đảm trách quản lý chủ chốt như giám đốc, các viên chức của Công ty, nhưng thành viên thân cận trong gia đình hay các bên liên kết này hay những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được quan tâm, chứ không chỉ xem xét trên khía cạnh hình thức pháp lý.

Trong kỳ kế toán hiện hành, Công ty không xem xét và đánh giá các giao dịch với các bên liên quan.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ báo cáo được trình bày ở thuyết minh số IX.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01- Tiền và tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	-	-
TGNH của Công ty	6.472.428.767	17.746.150.178
Tiền của Nhà ĐT ký gửi trên TK TGNH của Công ty	8.845.043.783	11.844.756.116
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	973.279.130	2.287.795.756
Cộng	16.290.751.680	31.878.702.050

02- Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn của Công ty là danh mục chứng khoán tự doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

a. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Giảm	Cuối kỳ	Đầu kỳ
I. Chứng khoán thương mại										
Cổ phiếu niêm yết										
Cổ phiếu ACB	3.490	3.342	139.719.500	137.959.500	-	-	-	(64.335.500)	(52.404.300)	75.384.000
Cổ phiếu BMC	2	2	141.000	141.000	-	-	-	(89.600)	(90.600)	51.400
Cổ phiếu DHG	19	8	-	-	1.064.000	960.000	-	-	-	1.064.000
Cổ phiếu DIC	10	10	178.500	178.500	-	-	-	(112.500)	26.500	66.000
Cổ phiếu DMC	9.867	9.867	1.160.120.000	1.160.120.000	-	-	-	(953.899.700)	(850.296.200)	206.220.300
Cổ phiếu DRC	27	9	90.000	90.000	371.700	270.000	-	-	-	461.700
Cổ phiếu FPT	9	7	932.500	932.500	-	-	-	(485.200)	(481.000)	447.300
Cổ phiếu GIL	11	9	190.800	190.800	150.200	24.300	-	-	-	341.000
Cổ phiếu HAI	138	115	2.729.150	2.729.150	582.850	1.456.850	-	-	-	3.312.000
Cổ phiếu HAP	20	14	352.425	352.425	-	-	-	(286.425)	(156.425)	66.000
Cổ phiếu HBC	7	6	-	-	160.300	252.000	-	-	-	160.300
Cổ phiếu IFS	13.090	13.090	662.519.000	662.519.000	-	-	-	(600.996.000)	(539.473.000)	61.523.000
Cổ phiếu KDC	6	6	254.000	254.000	-	-	-	(98.000)	55.000	156.000
Cổ phiếu MIC	111	50	1.871.406	1.361.406	-	-	-	(728.106)	1.868.594	1.143.300
Cổ phiếu PET	9	9	350.379	350.379	-	-	-	(242.379)	(195.579)	108.000
Cổ phiếu PPC	2	2	84.617	84.617	-	-	-	(70.617)	(61.217)	14.000
Cổ phiếu PVI	129	129	2.691.600	2.691.600	-	-	-	(305.100)	(382.500)	2.386.500
Cổ phiếu REE	15	7	1.508	1.508	167.992	122.392	-	-	-	169.500
Cổ phiếu S55	80	80	1.336.000	1.336.000	-	-	-	(256.000)	1.056.000	1.080.000
Cổ phiếu SD7	80	80	2.168.000	2.168.000	-	-	-	(1.504.000)	576.000	664.000
Cổ phiếu SSI	10	5	165.000	165.000	-	-	-	(28.000)	(5.000)	137.000
Cổ phiếu STB	53	40	721.907	661.907	-	-	-	78.393	(13.907)	800.300
Cổ phiếu TCR	4	4	35.640	35.640	-	-	-	(14.840)	(40)	20.800
Cổ phiếu TDH	21	21	513.000	513.000	-	-	-	(273.600)	211.500	239.400
Cổ phiếu TMC	4	3	67.200	67.200	-	-	-	(31.200)	7.800	36.000
Cổ phiếu TXM	50	50	485.000	485.000	-	-	-	(345.000)	(35.000)	140.000
Cổ phiếu UNI	15	8	194.400	194.400	-	-	-	(137.400)	(73.600)	57.000
Cộng Cổ phiếu niêm yết			1.977.912.532	1.975.582.532	2.497.042	3.085.542		(1.624.160.774)	(1.439.866.974)	356.248.800
										538.801.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm		Cuối kỳ	Đầu kỳ
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
Cổ phiếu chưa niêm yết										
Cổ phiếu ABB (NH An Bình) (\$)	48.327	43.994	1.482.160.000	1.482.160.000	-	-	(1.206.696.100)	(1.042.220.000)	275.463.900	439.940.000
Cổ phiếu MDB (NH Phát triển Mekong) (*)	26.800	26.800	1.182.325.000	1.182.325.000	-	-	-	-	1.182.325.000	1.182.325.000
Cổ phiếu OCB (NH Đại Dương) (\$)	257.660	257.660	9.712.800.000	9.712.800.000	-	-	(8.269.904.000)	(7.136.200.000)	1.442.896.000	2.576.600.000
Cổ phiếu VAB (NH Việt Á) (\$)	62.529	62.529	2.897.790.000	2.897.790.000	-	-	(2.547.627.600)	(2.272.500.000)	350.162.400	625.290.000
Cổ phiếu VASS (Bảo hiểm Viễn Đông) (*)	29.500	29.500	1.056.015.000	1.056.015.000	-	-	-	-	1.056.015.000	1.056.015.000
Cy CP CTGT ĐN (\$)	1.000	1.000	10.010.000	10.010.000	-	-	(10.000)	(10.000)	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu Cty CP xây lắp Đà Nẵng (NDX) (\$)	-	150.000	-	1.510.000.000	-	-	-	(10.000.000)	-	1.500.000.000
Cổ phiếu PROCIMEX (PRC) (*)	-	50.000	-	430.000.000	-	-	-	-	-	430.000.000
Cộng Cổ phiếu chưa niêm yết			16.341.100.000	18.281.100.000	-	-	(12.024.237.700)	(10.460.930.000)	4.316.862.300	7.820.170.000
Tổng cộng			18.319.012.532	20.256.682.532	2.497.042	3.085.542	(13.648.398.474)	(11.900.796.974)	4.673.111.100	8.358.971.100

(*) Công ty chưa tính giá thị trường cho các cổ phiếu này do chưa thu thập đủ thông tin.

(\$) Giá thị trường do Công ty ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

b. Số dư chi tiết dự phòng cần ghi nhận

Danh mục đầu tư gồm	Số lượng	Đơn giá sổ sách bình quân	Đơn giá thị trường (31/12/2011)	Tổng giá trị sổ sách (ngày 31/12/2011)	Tổng giá trị thị trường (ngày 31/12/2011)	Mức dự phòng
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
Cổ phiếu ACB	3.490	40.034	21.600	139.719.500	75.384.000	(64.335.500)
Cổ phiếu BMC	2	70.500	27.500	141.000	55.000	(86.000)
Cổ phiếu DHG	19	-	56.000	-	1.064.000	-
Cổ phiếu DIC	10	17.850	6.600	178.500	66.000	(112.500)
Cổ phiếu DMC	9.867	117.576	20.900	1.160.120.000	206.220.300	(953.899.700)
Cổ phiếu DRC	27	3.333	17.100	90.000	461.700	-
Cổ phiếu FPT	9	103.611	49.700	932.500	447.300	(485.200)
Cổ phiếu GIL	11	17.345	31.000	190.800	341.000	-
Cổ phiếu HAI	138	19.776	24.000	2.729.150	3.312.000	-
Cổ phiếu HAP	20	17.621	3.300	352.425	66.000	(286.425)
Cổ phiếu HBC	7	-	22.900	-	160.300	-
Cổ phiếu IFS	13.090	50.613	4.700	662.519.000	61.523.000	(600.996.000)
Cổ phiếu KDC	6	42.333	26.000	254.000	156.000	(98.000)
Cổ phiếu MIC	111	16.860	10.300	1.871.406	1.143.300	(728.106)
Cổ phiếu PET	9	38.931	12.000	350.379	108.000	(242.379)
Cổ phiếu PPC	2	42.309	7.000	84.617	14.000	(70.617)
Cổ phiếu PVI	129	20.865	18.500	2.691.600	2.386.500	(305.100)
Cổ phiếu REE	15	101	11.300	1.508	169.500	-
Cổ phiếu S55	80	16.700	13.500	1.336.000	1.080.000	(256.000)
Cổ phiếu SD7	80	27.100	8.300	2.168.000	664.000	(1.504.000)
Cổ phiếu SSI	10	16.500	13.700	165.000	137.000	(28.000)
Cổ phiếu STB	53	13.621	15.100	721.907	800.300	78.393
Cổ phiếu TCR	4	8.910	5.200	35.640	20.800	(14.840)
Cổ phiếu TDH	21	24.429	11.400	513.000	239.400	(273.600)
Cổ phiếu TMC	4	16.800	9.000	67.200	36.000	(31.200)
Cổ phiếu TXM	50	9.700	2.800	485.000	140.000	(345.000)
Cổ phiếu UNI	15	12.960	3.800	194.400	57.000	(137.400)
Cộng Cổ phiếu niêm yết				1.977.912.532	356.252.400	(1.624.157.174)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Danh mục đầu tư gồm	Số lượng	Đơn giá sổ sách bình quân	Tổng giá trị sổ sách (ngày 31/12/2011)	Tổng giá trị thị trường (ngày 31/12/2011)	Mức dự phòng
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>					
Cổ phiếu ABB	48.327	30.669 (*)	1.482.160.000	275.463.900	(1.206.696.100)
Cổ phiếu MDB (NH Phát triển Mekong)	26.800	44.117 (#)	1.182.325.000	1.182.325.000	-
Cổ phiếu OCB	257.660	37.696 (*)	9.712.800.000	1.442.896.000	(8.269.904.000)
Cổ phiếu VAB	62.529	46.343 (*)	2.897.790.000	350.162.400	(2.547.627.600)
Cổ phiếu VASS (Mã VDI)	29.500	35.797 (#)	1.056.015.000	1.056.015.000	-
Cty CP CTGT ĐN	1.000	10.010 (*)	10.010.000	10.000.000	(10.000)
<i>Cộng Cổ phiếu chưa niêm yết</i>			16.341.100.000	4.316.862.300	(12.024.237.700)
Tổng cộng			18.319.012.532	4.673.114.700	(13.648.473.267)

(#) Công ty chưa trích lập dự phòng cho những cổ phiếu này do chưa thu thập đủ thông tin.

(*) Công ty trích lập dự phòng theo sự ước tính

03- Phải thu khách hàng

Chi tiết

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu tiền nộp BHXH quận Hải Châu:	-	4.964.000
- Phải thu tiền chi phí đào tạo (Vân)	-	2.346.000
- Mua 1 CP STB phát hành thêm chưa về	-	10.000
- Đặt tiền cọc cho Cty Cao Su Sao Vàng thuê nhà	-	10.000.000
- Mua 176 CP ACB phát hành thêm chưa về	-	1.760.000
- Mua 2 trái phiếu TDH phát hành thêm chưa về	-	200.000
- Mai Thị Lan Hương	-	16.700.000
- Mai Thị Thi (Mua nhà, đất tại 102 NTMK)	17.919.150.000	-
- Mai Thị Thi (Mua CP NDX)	1.300.000.000	-
- Nguyễn Ngọc Quang (Mua CP Procimex)	470.000.000	-
- Khác	200.000	27.980.000
Cộng	19.689.350.000	63.960.000

04- Trả trước cho người bán

Chi tiết

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty quản lý nhà Đà Nẵng	-	5.900.000.000
- Cty TNHH HTTT Ngân hàng Tài chính FPT	112.948.000	112.948.000
- Cty CP Nghiên cứu Đầu tư Phú Toàn	-	10.000.000
- Cty TNHH Lê Tùng	10.000.000	-
- Cty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam	30.800.000	-
Cộng	153.748.000	6.022.948.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

05- Phải thu nội bộ và phải trả nội bộ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
(*)	-	-
(*) Công ty thực hiện việc cân trừ giữa công nợ phải thu nội bộ và công nợ phải trả nội bộ khi lập báo cáo tài chính. Do quyết định đóng cửa chi nhánh vào đầu năm 2012, nên Công ty điều chuyển tài sản và ghi nhận các công nợ nội bộ khác liên quan đến chi nhánh. Do vậy trên Bảng cân đối kế toán, hai khoản mục này cân trừ và không có số dư.		

06- Phải thu khác

Chi tiết

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu tiền ứng cho nhà đầu tư	1.881.357.055	-
- Phải thu Bà Mai Thị Thi (mua nhà và đất)	(*) 2.000.000.000	-
- Phải thu không rõ đối tượng	(*) 2.000.000.000	-
- Khác	41.885.189	34.200.000
Cộng	5.923.242.244	34.200.000

(*) Đây là khoản chi phí hỗ trợ xây chùa và ủng hộ xây nhà tình nghĩa mà Công ty sẽ thu hồi khi bán trụ sở tại 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

07- Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	6.843.444	14.540.407
- Chi phí bắn pháo hoa	(*) 237.500.000	-
- Chi phí thiết bị đường truyền	4.711.851	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	-	45.582.851
Cộng	249.055.295	60.123.258

(*) Phần còn lại chưa phân bổ của chi phí bắn pháo hoa quảng cáo có tổng giá trị là 950 triệu thực hiện vào tháng 3/2011, kỷ niệm 36 năm giải phóng Đà Nẵng (30/3) theo chủ trương của UBND, Công ty bắt đầu phân bổ vào chi phí từ tháng 4/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

08- Tài sản ngắn hạn khác

Chi tiết	Cuối năm	Đầu năm	Ghi chú
Tạm ứng			
- Đào Thị Phước	-	815.000.000	
- Nguyễn Tấn Tiểu	-	1.255.395.000	
- Lê Vũ Dũng	-	1.000.000	
- Nguyễn Thị Liên	-	2.300.000	
- Phạm Công Tấn	-	1.169.000	
- Trần Ngọc Quang	-	672.000.000	
- Phòng môi giới	-	1.400.000	
- Lê Vĩnh Hòa	94.000.000	99.000.000	Phó GD Chi nhánh
- Nguyễn Thị Ngọc Hằng	-	254.000.000	
- Võ Thị Xuân Trang	-	300.000.000	
- Nguyễn Vũ Tôn	1.000.000	-	
- Mai Thị Thi (*)	119.895.000	-	Phó TGD
- Nguyễn Văn Nam (*)	1.143.900.000	-	Tổng GD
- Ký quỹ ký cược	-	112.000	
Cộng	1.358.795.000	3.401.376.000	

(*) Chi tiết phát sinh trong năm

	Tạm ứng	Thanh toán TƯ
Nguyễn Văn Nam	8.453.000.000	7.838.100.000
Mai Thị Thi	19.833.895.000	19.714.000.000

09- Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.577.311.310	540.514.000	575.947.702	29.239.700	6.723.012.712
- Mua trong năm	16.700.292 (*)	894.232.596	-	-	910.932.888
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	- (**)	337.162.612	575.947.702	-	913.110.314
- Giảm khác (\$)	1.727.949.490	-	-	-	1.727.949.490
Số dư cuối năm	4.384.717.488	1.097.583.984	-	29.239.700	5.511.541.172
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.256.659.289	210.276.278	205.695.600	8.432.816	3.681.063.983
- Khấu hao trong năm	1.098.568.469	95.123.750	68.565.200	6.721.593	1.268.979.012
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	274.260.800	-	274.260.800
- Giảm khác	1.192.593.822	-	-	-	1.192.593.822
Số dư cuối năm	3.162.633.936	305.400.028	-	15.154.409	3.483.188.373
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu năm	2.320.652.021	330.237.722	370.252.102	20.806.884	3.041.948.729
- Tại ngày cuối năm	1.222.083.552	792.183.956	-	14.085.291	2.028.352.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

- (*) Theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu nhà nước số 220/HĐ-KT ngày 23/11/2010, Công ty được mua nhà và chuyển quyền sử dụng đất tại địa chỉ 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng (trụ sở của Công ty) với giá trị hợp đồng là 29.152.582.000 đồng, trong đó quyền sử dụng đất là 28.305.849.404 đồng. Với diện tích đất là 1.337,2 m2 và nhà là 586,4m2. Tài sản này ghi tăng vào ngày 02/12/2011.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ K100/01 đường Nguyễn Thị Minh Khai của Ông Huỳnh Văn Thái ủy quyền cho Bà Lâm Phụng Tiên chuyển nhượng cho Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng theo hợp đồng không số, không ngày và giấy ủy quyền ngày 05/11/2011 với diện tích đất là 58,8m2 và nhà là 47,5m2. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 1.223.500.000 đồng, trong đó giá đất là 1.176.000.000 đồng và nhà là 47.500.000 đồng.

- (**) Một phần trụ sở tại 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, TP.Đà Nẵng đã được ký kết bán theo hợp đồng mua bán nhà đất không số, ngày 12/12/2011 với Bà Mai Thị Thi. Có diện tích đất là 677m2, diện tích nhà là 147,9 m2. Tổng giá trị hợp đồng là 18.839.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Trong đó, giá trị lô đất là 18.617.500.000 đồng và giá trị nhà là 221.500.000 đồng. Cho đến ngày 31/12/2011, chưa chuyển giao quyền sử hữu.

10- Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (#)	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	1.195.281.800	1.195.281.800
- Mua trong năm (*)	34.263.049.033	-	34.263.049.033
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (**)	20.051.350.205	-	20.051.350.205
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	14.211.698.828	1.195.281.800	15.406.980.628
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	635.917.486	635.917.486
- Khấu hao trong năm	-	300.379.152	300.379.152
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	936.296.638	936.296.638
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	-	559.364.314	559.364.314
- Tại ngày cuối năm	14.211.698.828	258.985.162	14.470.683.990

- (#) Theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu nhà nước số 220/HĐ-KT ngày 23/11/2010, Công ty được mua nhà và chuyển quyền sử dụng đất tại địa chỉ 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng (trụ sở của Công ty). Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất được cấp từ ngày 25/3/2011, tài sản này ghi tăng từ ngày 02/12/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

(*) Theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu nhà nước số 220/HĐ-KT ngày 23/11/2010, Công ty được mua nhà và chuyển quyền sử dụng đất tại địa chỉ 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng (trụ sở của Công ty) với giá trị hợp đồng là 29.152.582.000 đồng, trong đó quyền sử dụng đất là 28.305.849.404 đồng. Với diện tích đất là 1.337,2 m² và nhà là 586,4m².

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ K100/01 đường Nguyễn Thị Minh Khai của Ông Huỳnh Văn Thái ủy quyền cho Bà Lâm Phụng Tiên chuyển nhượng cho Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng theo hợp đồng không số, không ngày và giấy ủy quyền ngày 05/11/2011 với diện tích đất là 58,8m² và nhà là 47,5m². Giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 1.223.500.000 đồng, trong đó giá đất là 1.176.000.000 đồng và nhà là 47.500.000 đồng.

(**) Một phần trụ sở tại 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, TP.Đà Nẵng đã được ký kết bán theo hợp đồng mua bán nhà đất không số, ngày 12/12/2011 với Bà Mai Thị Thi. Có diện tích đất là 677m², diện tích nhà là 147,9 m². Tổng giá trị hợp đồng là 18.839.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Trong đó, giá trị lô đất là 18.617.500.000 đồng và giá trị nhà là 221.500.000 đồng. Cho đến ngày 31/12/2011, chưa chuyển giao quyền sở hữu.

11- Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Phần mềm ứng dụng giao dịch chứng khoán	57.270.000	57.270.000
Chi tiết phát sinh trong năm		
- Tăng trong năm		
+ Chuyển nhượng nhà (nhận quyền sở hữu ngày 25/3/2011)	846.732.596	
+ Chuyển nhượng đất (nhận quyền sử dụng ngày 25/3/2011)	28.305.849.404	
+ Lãi vay năm 2011	3.534.444.443	
+ Lãi vay tính trước cho năm 2012	1.086.111.111	
+ Chi phí khác	159.710.610	
Cộng	33.932.848.164	
- Giảm trong năm		
+ Kết chuyển nhà (02/12/2011)	846.732.596	
+ Kết chuyển đất (02/12/2011)	33.086.115.568	
Cộng	33.932.848.164	

12- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết (*)	766.800.000	766.800.000

(*) Là góp vốn trong dự án hợp tác và đầu tư xây dựng kinh doanh khu phức hợp SJI Plaza - Trung tâm thương mại và căn hộ cấp tại số 1004 A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐKT-2008 ngày 06/6/2008 và phụ lục hợp đồng kinh tế số 129/PLHD-2008 với Công ty CP Đầu tư xây dựng Bình Chánh và Công ty Cổ phần Thủy sản số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

13- Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ	9.097.512	33.339.560
(*) Lãi vay chờ phân bổ khi thanh lý trụ sở	1.224.166.666	-
Cộng	1.233.264.178	33.339.560
(*) Đây là khoản chi phí lãi vay của năm 2011 còn lại sau khi đã bán một phần trụ sở, theo chính sách của Công ty sẽ phân bổ cho đối tượng mua phần còn lại của trụ sở.		

14- Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Chi tiết

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán đến ngày 01/01/2011	1.279.444.249
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán bổ sung trong năm 2011	624.876.933
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán đến ngày 31/12/2011	1.904.321.182

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán năm 2011 cho Trung tâm lưu ký chứng khoán căn cứ vào doanh số giao dịch môi giới chứng khoán trong năm 2010. Khoản tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán được tính 0,01% trên doanh số giao dịch

15- Người mua trả tiền trước

Chi tiết

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP xây dựng và vận tải Gia Lai	30.000.000	30.000.000
Công ty CP in và dịch vụ Đà Nẵng	20.000.000	20.000.000
Công ty đầu tư và phát triển nhà Đà Nẵng	-	20.000.000
Công ty CP gỗ MDF GERUCO Quảng Trị	-	20.000.000
Công ty CP dệt Hoà Khánh	10.000.000	10.000.000
Công ty CP đầu tư phát triển xây dựng Hội An	-	32.500.000
Công ty CP đường Quảng Ngãi	7.500.000	7.500.000
Tiền cọc của Nhà ĐT Đ/G mua CP Cty khí hoá lỏng Miền Nam	6.930.000	6.930.000
Tiền cọc của Nhà ĐT Đ/G mua CP Cty Thép Biên Hòa	130.000	130.000
Cộng	74.560.000	147.060.000

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	814.109	99.309.053	67.799.442	32.323.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
- Thuế TNCN của CNV	7.213.402	29.691.656	35.673.634	1.231.424
- Thuế TNCN của NGT (tạm nộp)	218.943.365	656.418.956	858.082.599	17.279.722
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	226.970.876	789.419.665	965.555.675	50.834.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

17- Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Chi tiết

- Cổ tức Procimex

- Cổ tức SCJ

Cuối năm

Đầu năm

7.250.000

75.367.000

(*) 15.000.000

15.000.000

Cộng

22.250.000

90.367.000

Số dư cuối kỳ là số cổ tức Công ty chi trả hộ cho các tổ chức phát hành

(*) Đây là khoản cổ tức phải trả hộ nhà đầu tư phát sinh từ năm 2009 tại chi nhánh TP.HCM nhưng không có danh sách chi tiết của nhà đầu tư

18- Phải trả người bán

Chi tiết

- TCT viễn thông quân đội (Viettel)

- Cty TNHH TM Loan Thi

- Huỳnh Văn Thái

Cuối năm

Đầu năm

-

400

3.336.400

-

(*) 699.030.000

-

Cộng

702.366.400

400

(*) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ K100/01 đường Nguyễn Thị Minh Khai của Ông Huỳnh Văn Thái ủy quyền cho Bà Lâm Phụng Tiên chuyển nhượng cho Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng theo hợp đồng không số, không ngày và giấy ủy quyền ngày 05/11/2011 với diện tích đất là 58,8m2 và nhà là 47,5m2. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 1.223.500.000 đồng, trong đó giá đất là 1.176.000.000 đồng và nhà là 47.500.000 đồng.

19- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết

- Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư

- Bảo hiểm y tế

- Phải trả cho NDT nộp tiền mua CK phát hành thêm

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Phải trả, phải nộp khác

Cuối năm

Đầu năm

(*) 11.317.161.679

13.018.233.195

1.530.000

45.000

-

42.100.000

9.325.800

220.000

680.000

20.000

(S) 93.294.383

18.640.217

Cộng

11.421.991.862

13.079.258.412

(S) Trong khoản mục này bao gồm khoản lãi vay phải trả cho một phần của tháng 12/2011 đối với khoản vay ngắn hạn 20 tỷ từ NH Gia Định với lãi suất 1,75%/tháng được ghi nhận trên hợp đồng, và lãi thực tính căn cứ vào lãi suất xác định của ngân hàng cho từng tháng như nêu tại thuyết minh V.21.

(*) Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư vào ngày 31/12/2011 như sau:

- Nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư cá nhân

Cộng

Phải trả

101.271.997

11.215.889.682

11.317.161.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

20- Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Của Công ty Chứng khoán	(*) 200.000	2.000.000.000
- Cổ phiếu	200.000	2.000.000.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán	-	-
b) Của Nhà đầu tư	107.405.470	1.218.924.775.000
- Cổ phiếu	107.405.470	1.218.924.775.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán	-	-
Tổng cộng	107.605.470	1.220.924.775.000

(*) Trong kỳ, Công ty có thỏa thuận chuyển nhượng 150.000 cổ phiếu NDX cho Bà Mai Thị Thi với giá trị là 1.500.000.000 đồng và 50.000 cổ phiếu Procimex với giá là 500.000.000 đồng cho Ông Nguyễn Ngọc Quang.

21- Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (*)	20.000.000.000	-

(*) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 012/HMTD-2011 ngày 25/3/2011 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (tài sản hình thành trong tương lai) số 012/TC.TSHTTTL-2011 ngày 25/3/2011. Khoản vay có hạn mức là 20 tỷ và thời hạn là 1 năm (kết thúc vào ngày 25/3/2012, lãi suất 1,75%/tháng và sẽ thay đổi 01 tháng/lần do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và nhà tại địa chỉ 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng với diện tích đất là 1.337,2 m2 và diện tích sử dụng nhà là 586,4 m2.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập thuần trong kỳ	23.278.754.931	14.681.330.666
Tổng chi phí trong kỳ	28.474.882.742	12.616.458.957
Lãi/lỗ kỳ báo cáo	(5.196.127.811)	2.064.871.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Tổng thu nhập thuần trong kỳ bao gồm:		Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		22.842.286.295	14.305.075.536
Trong đó:			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.319.108.637	10.297.216.430
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		168.398.080	316.438.650
<i>Trong đó: Cổ tức, lãi trái phiếu</i>		<i>98.398.080</i>	<i>316.438.650</i>
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn		317.272.726	652.900.228
- Doanh thu khác	(*)	20.037.506.852	3.414.776.210
- Các khoản giảm trừ doanh thu		-	852
Thu nhập khác		436.468.636	376.255.982
Cộng		23.278.754.931	14.681.330.666
(*) Trong doanh thu khác bao gồm doanh thu do chuyển nhượng một phần hội sở với doanh thu là 18.839.000.000 đồng.			
@ Tổng chi phí trong kỳ bao gồm		Năm nay	Năm trước
- Chi phí hoạt động kinh doanh	(\$)	24.918.946.629	7.843.443.560
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(#)	3.241.937.211	4.404.303.105
- Chi phí khác		313.998.902	368.712.292
- Chi phí thuế thu nhập hiện hành		-	-
Cộng		28.474.882.742	12.616.458.957
(\$) Trong chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm giá vốn do chuyển nhượng một phần hội sở với giá vốn là 17.741.072.428 đồng.			
(#) Trong kỳ Công ty ghi nhận chi phí tiền lương và các chi phí bằng tiền khác theo nguyên tắc thực chi.			

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

I. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư	11.317.161.679	14.116.527.494
- Tiền cổ tức của nhà đầu tư	22.250.000	90.367.000
Cộng	11.339.411.679	14.206.894.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

1- Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2011

TÊN CỔ ĐÔNG	31/12/2010		31/12/2011		Ghi chú
	Số Cổ Phần	Tỷ lệ	Số Cổ Phần	Tỷ lệ	
Công ty CP ĐTPT Nhà Đà Nẵng	1.232.400	24,65%	1.232.400	24,65%	
Mai Thị Thi	1.103.500	22,07%	1.103.500	22,07%	Phó TGĐ
Nguyễn Quang Chính	584.000	11,68%	584.000	11,68%	
Nguyễn Văn Nam	510.000	10,20%	545.000	10,90%	Tổng GĐ
Nguyễn Quang Trung	500.000	10,00%	500.000	10,00%	Chủ tịch HĐQT
Lý Tiết Dũng	356.700	7,13%	356.700	7,13%	Thành viên HĐQT
Trần Việt Em	116.000	2,32%	116.000	2,32%	
Trịnh Thị Bích Nga	116.000	2,32%	116.000	2,32%	
Lưu Thị Quý Hương	100.000	2,00%	100.000	2,00%	Trưởng ban kiểm soát
Các cổ đông khác	381.400	7,63%	346.400	6,93%	
Cộng	5.000.000	100,00%	5.000.000	100,00%	

2- Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ

- Tăng vốn chủ sở hữu trong kỳ	(*)	2.000.000.000
- Giảm vốn chủ sở hữu trong kỳ	(*)	2.000.000.000
Cộng		-

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2011/HĐQT ngày 25/10/2011, Công ty quyết định tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phần cho các cổ đông chiến lược, tổng số vốn tăng là 30 tỷ. Trong đó, theo Nghị quyết cổ đông Mai Thị Thi sẽ góp 10 tỷ, đã đặt cọc theo cam kết là 2 tỷ, tuy nhiên Công ty đã ghi nhầm tăng vốn. Do nghị quyết này chưa thực hiện được trong năm 2011, nên cổ đông Mai Thị Thi đã thu hồi tiền đặt cọc.

3- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu

		Năm nay	Năm trước
- Tổng thu nhập thuần trong kỳ	(#)	23.278.754.931	14.681.330.666
- Tổng chi phí trong kỳ	(*)	28.474.882.742	12.616.458.957
Lãi/lỗ kỳ báo cáo		(5.196.127.811)	2.064.871.709

(#) Trong doanh thu khác bao gồm doanh thu do chuyển nhượng một phần hội sở với doanh thu là 18.839.000.000 đồng.

(*) Trong chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm giá vốn do chuyển nhượng một phần hội sở với giá vốn là 17.741.072.428 đồng.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/QĐ-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

1- Các giao dịch tài chính	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
- Bà Mai Thị Thi	Cổ đông và Phó TGD	Tăng vốn	2.000.000.000
		Giảm vốn	2.000.000.000
2- Mua, bán và các giao dịch khác	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
- Bà Mai Thị Thi	Cổ đông và Phó TGD	Mua nhà và đất của Công ty	18.861.150.000
		Mua cổ phiếu	1.500.000.000
		Tạm ứng	19.833.895.000
		Thanh toán TƯ	19.714.000.000
- Bà Lâm Phụng Tiên (theo ủy quyền)	Cổ đông	Bán nhà và đất	1.223.500.000
- Ông Nguyễn Văn Nam	Cổ đông và Tổng GĐ	Tạm ứng	8.453.000.000
		Thanh toán TƯ	7.838.100.000
3- Công nợ với các bên liên quan	Công nợ	Nội dung	Số tiền
- Bà Mai Thị Thi	Phải thu	Mua nhà và đất	19.919.150.000
	Phải thu	Mua cổ phiếu	1.300.000.000
	Phải thu	Tạm ứng	119.895.000
	Phải trả	Ký quỹ giao dịch chứng khoán	2.427.178
- Ông Nguyễn Văn Nam	Phải thu	Tạm ứng	1.149.900.000
	Phải trả	Ký quỹ giao dịch chứng khoán	8.352.096
- Bà Lâm Phụng Tiên (theo ủy quyền)	Phải trả	Bán nhà và đất	699.030.000
- Ông Lê Vĩnh Hòa (Phó GĐ chi nhánh)	Phải thu	Ký quỹ giao dịch chứng khoán	23.719.811
- Công ty CP Phát triển nhà Đà Nẵng (Cổ đông)	Phải trả	Ký quỹ giao dịch chứng khoán	47.339.233

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Thị Hoài An

Nguyễn Văn Nam

**Head Office:**

96 Dinh Tien Hoang St., Ward 1, Binh Thanh Dist., HCMC
Tel: (84.8) 3822 7158 - 3841 8790 - Fax: (84.8) 3551 2008
Email: audit@ksi.com.vn - Website: www.ksi.com.vn

Da Nang Office:

79 Quang Trung St., Hai Chau Dist., Da Nang City: F3
Tel: (84.511) 3751 888/889 - Fax: (84.511) 3751 887
Email: audit@ksi.com.vn - Website: www.ksi.com.vn

Tan Binh Office:

16 Tra Khuc St., Ward 2, Tan Binh Dist., HCMC
Tel: (84.8) 3547 1242 - Fax: (84.8) 3547 1450
Email: audit@ksi.com.vn - Website: www.ksi.com.vn